

Bản án số: **02/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 20 tháng 01 năm 2026

“V/v không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

-*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Y Nik Êban.

-*Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Xuân, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 232/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc *“Không công nhận vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/QĐHPT-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (*Có mặt*)

- **Bị đơn:** Ông Phạm Phi H, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt không lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2025, Bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

- **Quan hệ hôn nhân:** Tôi (C) và ông Phạm Phi H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và về chung sống với nhau như vợ chồng tại quê tỉnh Ninh Bình vào khoảng cuối năm 1995. Từ khi về sống chung cho đến nay, tôi và ông Phạm Phi H không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống tôi và ông Phạm Phi H phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông Phạm Phi H chơi bời cờ bạc, tôi đã nhiều lần khuyên nhưng ông Phạm Phi H không hề thay đổi. Mặc dù ông Phạm Phi H không đánh đập, nhưng luôn hành hạ tôi về tinh thần, chửi bới tôi bất cứ lúc nào, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của bản thân và gia đình tôi. Bản thân cũng đã nhiều lần góp ý nhưng ông Phạm Phi H không tiếp thu, không thay đổi, dẫn đến tôi và ông Phạm Phi H bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, chúng tôi dù đang sống chung cùng nhà, nhưng vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm đến đời sống tình cảm của nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa tôi với ông Phạm Phi H.

- **Về con chung:** Trong thời gian chung sống tôi và ông Phạm Phi H có ba con chung là cháu Phạm Phi Đ, sinh ngày 26/05/2007; Phạm Thị Ánh T, sinh ngày 25/11/2005 và cháu Phạm Thị Phương T1, sinh ngày 03/8/1997. Hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, trong quá trình làm việc Bị đơn ông Phạm Phi H trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Về thời gian quen biết, thời gian chúng tôi chung sống như bà Nguyễn Thị C trình bày trên là đúng, tôi không bổ sung về nội dung này.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trước đây bản thân tôi có chơi cờ bài bạc, nhưng từ năm 2007 đến nay tôi không chơi nữa. Còn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do: Thời gian mấy năm gần đây, do tôi yếu không làm được chỉ phụ giúp vợ công việc trong gia đình, bà Nguyễn Thị C là người quản lý kinh tế, tiền bạc của gia đình, nên bà Nguyễn Thị C đã tự ý không hỏi ý kiến của tôi, nhiều lần cho người ngoài vay tiền, khi người ta không trả được nên tôi biết. Do tiếc của tôi nói thì bà Nguyễn Thị C cãi không nhận dẫn đến tôi bức xúc phải nói, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau trong mọi công việc của gia đình. Thời gian khoảng hơn năm nay tình cảm vợ chồng của chúng tôi nhạt dần, kinh tế gia đình thì do bà Nguyễn Thị C quản lý hoàn toàn, dù chúng tôi đang sống chung với nhau cùng nhà, ăn uống, sinh hoạt chung, nhưng thực tế thì chúng tôi không còn tình cảm vợ chồng và đã ly thân với nhau về mọi mặt. Nay bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị C với tôi thì tôi tạm thời không đồng ý, vì tôi muốn để cho các cháu học hành xong sẽ giải quyết sau, vì đằng nào vợ chồng cũng đang ly thân.

- **Về con chung:** Trong thời gian chung sống tôi và bà Nguyễn Thị C có ba con chung như bà Nguyễn Thị C trình bày là đúng. Hiện con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phần tranh luận tại phiên tòa

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng giữa tôi và ông Phạm Phi H.

- Bị đơn ông Phạm Phi H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không gửi ý kiến nên không ghi nhận được ý kiến tranh luận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 14,

Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H.

+ Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quan hệ tranh chấp của vụ án “*Không công nhận vợ chồng*”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Phi H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử vắng mặt ông Phạm Phi H theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ kiện, các bên đương sự thừa nhận: Bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H tự nguyện về chung sống với nhau từ cuối năm 1995 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, dù tại thời điểm hai người về sống chung, bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định Điều 5 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật từ đó đến nay. Như vậy việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên không có giá trị pháp lý.

Quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H luôn xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H thừa nhận: Mặc dù bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H đang sống chung cùng nhà với nhau, nhưng vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, tình nghĩa vợ chồng đã hết, nên trong cuộc sống các bên không có sự sẻ chia về kinh tế, tình cảm và đã ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị C, đề nghị Toà án nhân dân khu vực 7 giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H có 03 con chung là cháu Phạm Phi Đ, sinh ngày 26/05/2007; Phạm Thị Ánh T, sinh ngày 25/11/2005 và cháu Phạm Thị Phương T1, sinh ngày 03/8/1997. Hiện các con chung của bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H đã trưởng thành, nên các bên đương sự không đề cập để giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các bên đương sự tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và Gia đình.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H.

[1.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Phi H có 03 con chung, hiện các con chung đã trưởng thành, nên không xem xét để giải quyết.

[1.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003764 ngày 30/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc) kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7
- UBND xã Ea Ô;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuấn